

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BÌNH MINH
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 09 - 01 - 2019

V/v xin Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH MINH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Toàn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Văn Khanh

Ông Nguyễn Thanh Tú

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Võ Thanh Sang – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh tham gia phiên tòa: thuộc trường hợp không tham gia.

Trong ngày 09 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 257/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2018 về việc “Xin Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **81/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2018 giữa các đương sự:**

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Ánh T**, sinh năm 1988

Địa chỉ: Tổ 1, ấp TP, xã Tân Thành, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.
Có mặt.

Bị đơn: Anh **Võ Thanh N**, sinh năm 1975

Địa chỉ: Tổ 2, Khóm K, phường CV, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.
Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại Đơn khởi kiện ngày 25/9/2018 nguyên đơn Nguyễn Thị Ánh T trình bày: Vào năm 2016 chị và anh N quen biết, tự tìm hiểu rồi tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu

vợ chồng chung sống hạnh phúc, về sau phát sinh mâu thuẫn do anh N không chí thú làm ăn, thường xuyên bỏ nhà, anh N hay đi uống rượu về thì chửi mắng vợ con, do bất đồng quan điểm, tình trạng hôn nhân đã rơi vào tình trạng trầm trọng không thể hàn gắn được, nên chị quyết định xin ly hôn với anh N.

Về con chung: Giữa chị và anh N có hai con chung tên Nguyễn Thị Thúy V, sinh ngày 13/6/2017 và Nguyễn Thị Thúy D, sinh ngày 13/6/2017. Hiện tại hai cháu đang sống chung với chị T, sau khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi hai con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, anh N trình bày: Anh thống nhất với chị N về quá trình hôn nhân, về con chung, nợ chung và tài sản chung. Anh đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của chị T, thống nhất ly hôn với chị T. Về con chung, anh đồng ý để chị T được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung tên Nguyễn Thị Thúy V, sinh ngày 13/6/2017 và Nguyễn Thị Thúy D, sinh ngày 13/6/2017, anh không cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung anh không yêu cầu.

* Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn Nguyễn Thị Ánh T trình bày: Chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, xin được ly hôn với anh N.

- Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thúy V, sinh ngày 13/6/2017 và Nguyễn Thị Thúy D, sinh ngày 13/6/2017, hiện tại 02 cháu đang sống chung với chị. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Anh N trình bày: Thống nhất với yêu cầu khởi kiện, đồng ý ly hôn với chị T, thống nhất để chị T được tiếp tục nuôi hai con chung tên Nguyễn Thị Thúy V và Nguyễn Thị Thúy D, anh không cấp dưỡng, về nợ chung, tài sản chung anh không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Theo lời trình bày của **chị T** thì giữa chị và anh N do tự tìm hiểu rồi tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới, nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, về sau phát sinh mâu thuẫn, do anh N không quan tâm chăm sóc gia đình, vợ chồng thường

xuyên cải vã, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục đời sống vợ chồng được, giữa chị và anh N đã sống ly thân với nhau.

Từ đó cho thấy, hôn nhân giữa chị T và anh N đã rơi vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T và anh N đã có thời gian sống ly thân, nên xét yêu cầu xin ly hôn của chị T là có cơ sở để chấp nhận. Tuy nhiên, do chị T và anh N không có đăng ký kết hôn, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Ánh T và Võ Thanh N.

[2] Về con chung: Giữa chị T và anh N có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thúy V, sinh ngày 13/6/2017 và Nguyễn Thị Thúy D, sinh ngày 13/6/2017, hiện tại 02 cháu đang sống chung với chị T. Sau khi ly hôn, chị T và anh N thống nhất để chị T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung tên Thúy V và Thúy D. Vì vậy, Hội đồng xét xử thống nhất để cho chị T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu Thúy V và Thúy D.

Anh Võ Thanh N không trực tiếp nuôi dưỡng được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị T và anh N thống nhất anh N chưa phải cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không công nhận quan hệ giữa chị Nguyễn Thị Ánh T và Võ Thanh N là vợ chồng.

1. Về con chung:

Tiếp tục giao hai cháu tên Nguyễn Thị Thúy V, sinh ngày 13/6/2017 và Nguyễn Thị Thúy D, sinh ngày 13/6/2017 cho chị Nguyễn Thị Ánh T được trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Võ Thanh N không trực tiếp nuôi dưỡng được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

2. Về cấp dưỡng nuôi con:

Anh Võ Thanh N chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung:

Do các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Buộc chị Nguyễn Thị Ánh T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0009351, ngày 02/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Minh, chị T đã nộp xong.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo:

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt Nguyên đơn, Bị đơn, báo cho các đương sự biết, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh VL: 01
- VKSND TXBM: 01
- Chi cục THADS TXBM: 01
- Đương sự: 02
- Lưu: 04

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Khắc Toàn